



**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2022**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 03 năm 2022



**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	1- 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	6 – 7
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	8 – 49

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Mẫu số B02a/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số

49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

<i>Thuyết minh</i>	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2022</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i> <i>Triệu đồng</i>
<b>TÀI SẢN</b>		
Tiền mặt và vàng bạc	2.627.817	2.445.611
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	9.808.491	11.847.980
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác	49.371.645	55.942.644
Tiền gửi tại các TCTD khác	49.071.645	55.837.298
Cho vay các TCTD khác	300.000	105.346
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác (*)		
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>V.01</b>	<b>10.046.933</b>
Chứng khoán kinh doanh		10.049.814
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh (*)		(2.881)
<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>	<b>V.02</b>	<b>-</b>
<b>Cho vay khách hàng</b>		<b>222.466.108</b>
Cho vay khách hàng	V.03	225.153.895
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (*)	V.04	(2.687.787)
<b>Hoạt động mua nợ</b>		<b>-</b>
Mua nợ		-
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ (*)		-
<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>V.05</b>	<b>60.494.732</b>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		43.512.725
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		17.071.519
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư (*)		(89.512)
<b>Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>	<b>V.06</b>	<b>143.331</b>
Đầu tư vào công ty con		-
Góp vốn liên doanh		-
Đầu tư vào công ty liên kết		-
Đầu tư dài hạn khác		163.921
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)		(20.590)
<b>Tài sản cố định</b>		<b>1.318.816</b>
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>		<i>640.621</i>
Nguyên giá tài sản cố định		1.475.909
Hao mòn tài sản cố định (*)		(835.288)
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>		<i>-</i>
Nguyên giá tài sản cố định		-
Hao mòn tài sản cố định (*)		-
<i>Tài sản cố định vô hình</i>		<i>678.195</i>
Nguyên giá tài sản cố định		964.575
Hao mòn tài sản cố định (*)		(286.380)
		<b>1.366.325</b>
		<i>663.478</i>
		1.475.070
		(811.592)
		-
		-
		702.847
		977.488
		(274.641)

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Mẫu số B02a/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số

49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

Ngày 31 tháng 03 Ngày 31 tháng 12

Thuyết minh năm 2022 năm 2021  
Triệu đồng Triệu đồng

<b>Bất động sản đầu tư</b>		-	-
Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
Hao mòn bất động sản đầu tư (*)		-	-
<b>Tài sản Có khác</b>		<b>24.768.150</b>	<b>25.414.855</b>
Các khoản phải thu		19.285.746	20.234.815
Các khoản lãi, phí phải thu		3.486.228	3.256.425
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	V.12.2	-	-
Tài sản Có khác		2.039.436	1.966.875
<i>Trong đó: Lợi thế thương mại</i>		9.124	10.562
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác (*)		(43.260)	(43.260)
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>381.046.023</b>	<b>374.611.571</b>

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Mẫu số B02a/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số

49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

Ngày 31 tháng Ngày 31 tháng 12

03 năm 2022

năm 2021

	Thuyết minh	Triệu đồng	Triệu đồng
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	V.07	81.615	92.656
Tiền gửi và vay các TCTD khác	V.08	93.473.766	107.242.582
Tiền gửi các TCTD khác		52.734.954	59.851.704
Vay các TCTD khác		40.738.812	47.390.878
Tiền gửi của khách hàng	V.09	201.490.028	183.283.117
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	V.02	45.007	15.550
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro		2.859.595	2.936.864
Phát hành giấy tờ có giá	V.10, 13.2	42.099.369	42.756.113
Các khoản nợ khác	V.11	8.185.158	7.494.576
Các khoản lãi, phí phải trả		4.470.513	4.383.088
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	V.12.2	602	602
Các khoản phải trả và công nợ khác		3.714.043	3.110.886
Dự phòng rủi ro khác (cho công nợ tiềm ẩn và CKNB)		-	-
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>348.234.538</b>	<b>343.821.458</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
Vốn của TCTD		20.195.503	20.195.503
Vốn điều lệ		20.072.906	20.072.906
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định		89	89
Thặng dư vốn cổ phần		535.956	535.956
Cổ phiếu quỹ (*)		(413.448)	(413.448)
Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Vốn khác		-	-
Các quỹ dự trữ		2.537.221	2.547.465
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		13.793	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối		8.206.256	6.290.473
Lợi ích cổ đông thiểu số		1.858.712	1.756.672
<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	V.13.1	<b>32.811.485</b>	<b>30.790.113</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>381.046.023</b>	<b>374.611.571</b>

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Mẫu số B02a/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số

49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03	Ngày 31 tháng 12
	năm 2022	năm 2021
	Triệu đồng	Triệu đồng
Bảo lãnh vay vốn	11.301	11.386
Cam kết giao dịch hối đoái	41.806.230	43.104.228
- Cam kết mua ngoại tệ	2.618.602	3.259.476
- Cam kết bán ngoại tệ	3.547.539	2.055.376
- Cam kết giao dịch hoán đổi	35.640.089	37.789.376
- Cam kết giao dịch tương lai	-	-
Cam kết cho vay không hủy ngang	-	-
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	10.641.844	6.211.963
Bảo lãnh khác	3.928.502	4.137.887
Cam kết khác	9.743.822	8.575.641
<b>Tổng cộng</b>	<b>66.131.699</b>	<b>62.041.105</b>

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân  
Trưởng bộ phận

Người kiểm soát:



Bà Hồ Đặng Hoàng Quyên  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:




Ông Phạm Văn Đẩu  
Giám đốc Tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 04 năm 2022

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B03a/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số

49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này Triệu đồng</i>	<i>Kỳ trước Triệu đồng</i>
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.14	7.181.161	6.339.908
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	VI.15	(3.137.770)	(2.977.110)
<b>Thu nhập lãi thuần</b>		<b>4.043.391</b>	<b>3.362.798</b>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		665.634	346.529
Chi phí hoạt động dịch vụ		(57.349)	(33.108)
<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>		<b>608.285</b>	<b>313.421</b>
<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>		<b>22.999</b>	<b>24.324</b>
<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	VI.16	<b>38.285</b>	<b>19.782</b>
<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	VI.17	<b>308.663</b>	<b>396.401</b>
Thu nhập từ hoạt động khác		119.619	80.131
Chi phí hoạt động khác		(21.059)	(28.391)
<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>		<b>98.560</b>	<b>51.740</b>
<b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	VI.18	<b>2.252</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí hoạt động</b>	VI.19	<b>(1.925.612)</b>	<b>(1.631.572)</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>3.196.823</b>	<b>2.536.894</b>
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(669.308)	(436.712)
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>2.527.515</b>	<b>2.100.182</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		(507.076)	(420.067)
(Chi phí)/Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>(507.076)</b>	<b>(420.067)</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>2.020.439</b>	<b>1.680.115</b>
<i>Phân bổ cho:</i>			
<i>Các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Ngân hàng</i>		<i>1.918.399</i>	<i>1.563.388</i>
<i>Cổ đông thiểu số</i>		<i>102.040</i>	<i>116.727</i>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>		<b>963</b>	<b>785</b>

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân  
Trưởng bộ phận

Người kiểm soát:



Hồ Đặng Hoàng Quyên  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ong Phạm Văn Đẩu  
Chức danh: Giám đốc Tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 04 năm 2022

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này Triệu đồng</i>	<i>Kỳ trước Triệu đồng</i>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		7.008.161	6.130.875
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(3.068.324)	(2.609.661)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		623.674	312.137
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		326.317	448.073
Thu nhập khác		31.186	11.498
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		86.802	44.256
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(1.812.128)	(1.715.762)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	V.12.1	(403.559)	(269.856)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</b>		<b>2.792.129</b>	<b>2.351.560</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>			
(Tăng)/Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác		(194.654)	(496.125)
(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		6.125.298	6.441.908
(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	(85.426)
(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(21.942.994)	(8.956.388)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn		(433.588)	(427.075)
(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		909.571	308.606
<b>Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động</b>			
Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN		(11.041)	(12.761)
Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		(13.768.816)	(5.306.507)
Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng		18.206.910	10.367.248
Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá		(656.743)	(54.123)
Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		(77.269)	(7.300)
Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		29.457	(215.182)
Tăng/(Giảm) khác về nợ phải trả hoạt động		357.958	(125.194)
Chỉ từ các quỹ của tổ chức tín dụng		(3.422)	(2.614)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(8.667.204)</b>	<b>3.780.627</b>



Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B04a/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số

49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này Triệu đồng</i>	<i>Kỳ trước Triệu đồng</i>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
Mua sắm tài sản cố định	(6.194)	(155.122)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	18.634	7
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
Mua sắm bất động sản đầu tư	-	-
Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư	-	-
Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư	-	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các tổ chức khác	-	-
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	500	-
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	17.535	-
	<b>30.475</b>	<b>(155.115)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
Tăng vốn cổ phần từ góp vốn vào/phát hành cổ phiếu	-	-
Tiền thu từ phát hành GTCG dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác	-	-
Tiền thu thanh toán phát hành GTCG dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác	-	-
Cổ tức trả cho cổ đông	-	-
Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ	-	-
Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ	-	-
	<b>(8.636.729)</b>	<b>3.625.512</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>(8.636.729)</b>	<b>3.625.512</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>70.130.889</b>	<b>54.756.301</b>
<b>Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá</b>	<b>13.793</b>	<b>29.923</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>61.507.953</b>	<b>58.411.736</b>

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân  
Trưởng bộ phận

Người kiểm soát:



Bà Hồ Đặng Hoàng Quyên  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phạm Văn Đẩu  
Giám đốc Tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 04 năm 2022

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

### 1. Giấy phép thành lập và hoạt động, thời hạn có giá trị

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 47/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 2 năm 1989, Giấy phép ban đầu số 00019/NH-GP của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp ngày 6 tháng 6 năm 1992 và được thay thế bởi Giấy phép số 26/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 12 tháng 02 năm 2020 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động số 26/GP-NHNN ngày 12 tháng 02 năm 2020.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

### 2. Hình thức sở hữu vốn

Số vốn điều lệ của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 03 năm 2022 là 20.072.906 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 20.072.906 triệu đồng).

### 3. Thành phần Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</i>
Bà Lê Thị Băng Tâm	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch thường trực	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Lưu Đức Khánh	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Thành Đô	Phó Chủ tịch. Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Hữu Đặng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 4 năm 2020
Ông Chu Việt Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Tâm	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Lim Peng Khoon	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

## 4. Thành phần Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng

Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính và Kế toán Trưởng của Ngân hàng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phạm Quốc Thanh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 4 năm 2020
Bà Nguyễn Đoàn Duy Ái	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 2 tháng 1 năm 2022
Ông Nguyễn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2013
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2009
Ông Nguyễn Văn Hào	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 10 năm 2020
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 7 năm 2020
Ông Lê Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2022
Ông Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 2 năm 2022
Ông Trần Thái Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2021
Ông Phạm Văn Đầu	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2009
Bà Hồ Đặng Hoàng Quyên	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2011

## 5. Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại tòa nhà HD Tower, số 25 Bis đường Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 31 tháng 03 năm 2022, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) văn phòng đại diện khu vực miền bắc, một (1) văn phòng đại diện của HDBank tại Myanmar, bảy mươi hai (72) chi nhánh, hai trăm năm mươi bốn (254) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

## 6. Công ty con

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022, Ngân hàng có một (1) công ty con như sau:

Tên công ty	Giấy phép đăng ký kinh doanh số	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ % sở hữu của NH
Công ty Tài chính TNHH HD SAISON (“HD SAISON”), tên gọi trước đây là Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	0304990133 ngày 13 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, được điều chỉnh lần thứ mười năm (15) vào ngày 19 tháng 2 năm 2020	Tài chính/ Ngân hàng	50%

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

## 7. Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 03 năm 2022 là 15.116 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 15.127 người).

## II. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Ngân hàng và các công ty con bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán quý 1 của Ngân hàng và các công ty con bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03.

### 2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác lập báo cáo tài chính của Ngân hàng và công ty con là đồng Việt Nam (“VND”). Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam (“triệu đồng”). Việc trình bày này không ảnh hưởng đến nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính hợp nhất về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.

## III. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1 Tuyên bố tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các Công ty con được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014 và Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành và công bố sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và



# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các Công ty con theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và các lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành là các khoản mục không có số dư.

### 3 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có khác với các ước tính dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

### 4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Ngân hàng thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các công ty con và ngân hàng, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Ngân hàng và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Ngân hàng mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

## IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 1 Chuyển đổi tiền tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng và các công ty con, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng và các công ty con được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối kỳ kế toán, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng và các công

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

ty con được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong kỳ được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục "*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*" trên tài khoản "*Vốn chủ sở hữu*" và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm cuối năm tài chính.

## 2. Nguyên tắc thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính

Các công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp. Khi đánh giá quyền kiểm soát có thể xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các số dư nội bộ, giao dịch và thu nhập/chi phí của các giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Ngân hàng được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần lợi nhuận và giá trị tài sản thuần của các công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Ngân hàng sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

## 3. Công cụ tài chính phái sinh và kế toán phòng ngừa rủi ro

Ngân hàng và các Công ty con ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng và các Công ty con.

### *Các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ*

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại; chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục "*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*" trên "*Vốn chủ sở hữu*" và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối năm tài chính.

Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng kỳ hạn

### *Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ*

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

## *Các hợp đồng hoán đổi lãi suất*

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất là các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền gốc danh nghĩa. Chênh lệch phát sinh từ các lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

## **4. Kế toán thu nhập lãi, chi phí lãi và ngừng dự thu lãi**

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 11 và các khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 01, Thông tư 03 và Thông tư 14 sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng và các Công ty con thực nhận.

## **5. Kế toán các khoản thu từ phí và hoa hồng**

### *Phí dịch vụ và hoa hồng*

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở dự thu, dự chi.

### *Thu nhập từ hoạt động đầu tư*

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu nắm giữ.

### *Thu nhập khác*

Các doanh thu khác được ghi nhận dựa trên cơ sở thực thu.

Theo Thông tư 16/2018/TT-BTC ngày 7 tháng 2 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì Ngân hàng và các Công ty con hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để dồn đốc thu. Khi thu được các khoản này, Ngân hàng và các Công ty con sẽ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## **6. Kế toán đối với cho vay khách hàng, hoạt động mua nợ**

### **6.1 Kế toán đối với cho vay khách hàng**

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày thành một (1) dòng riêng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 11.

Việc phân loại nợ cho vay khách hàng được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 11. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn. Các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu.

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản bảo đảm đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 31 tháng 03. Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định trong Thông tư 11.

Việc phân loại nợ và tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ		Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: <ul style="list-style-type: none"><li>▪ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc</li><li>▪ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc</li><li>▪ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng.</li></ul> (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra. (f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do khách hàng vi phạm hợp đồng tín dụng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (g) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	20%



# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

Nhóm nợ		Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
4	Nợ nghi ngờ	<ul style="list-style-type: none"> <li>(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc</li> <li>(b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn đến 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc</li> <li>(c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc</li> <li>(d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc</li> <li>(e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.</li> <li>(f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do khách hàng vi phạm thỏa thuận với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc</li> <li>(g) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.</li> </ul>	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	<ul style="list-style-type: none"> <li>(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc</li> <li>(b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc</li> <li>(c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc</li> <li>(d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc</li> <li>(e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc</li> <li>(f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc</li> <li>(g) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.</li> <li>(h) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do khách hàng vi phạm thỏa thuận với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc</li> <li>(i) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.</li> </ul>	100%

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

Đối với các khoản cho vay trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, Ngân hàng và các Công ty con được phép thực hiện cơ cấu nợ và giữ nguyên nhóm nợ một lần theo quy định tại Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 7 năm 2015 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Thông tư số 25/2018/TT-NHNN ngày 24 tháng 01 năm 2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 10/2015/TT-NHNN.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng và các Công ty con mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng và các Công ty con phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Trường hợp nợ của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Ngân hàng và các Công ty con phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Khi Ngân hàng và các Công ty con tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng và các Công ty con thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của Ngân hàng và các Công ty con.

*Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19*

Ngân hàng và các Công ty con đồng thời áp dụng các quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản vay đáp ứng yêu cầu của Thông tư 01/2020-TT-NHNN (“Thông tư 01”) do NHNN ban hành ngày 13 tháng 3 năm 2020, Thông tư 03/2021-TT-NHNN (“Thông tư 03”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020 do NHNN ban hành ngày 02 tháng 04 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 5 năm 2021 và Thông tư (“Thông tư 14”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020 do NHNN ban hành ngày 07 tháng 9 năm 2021 và có hiệu lực cùng ngày ban hành, quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

Từ ngày 13 tháng 3 năm 2020, Ngân hàng và các Công ty con đã áp dụng Thông tư 01 do NHNN ban hành quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch COVID-19. Theo đó, đối với các khách hàng có các khoản nợ phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày liền kề sau 3 tháng kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch COVID-19, và các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch COVID-19, thì Ngân hàng và các Công ty con được phép cơ cấu lại thời gian trả nợ cho các khoản nợ này và vẫn giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23 tháng 1 năm 2020.

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

Từ ngày 17 tháng 5 năm 2021, Ngân hàng và các Công ty con áp dụng Thông tư 03 do NHNN ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01. Theo đó, đối với khách hàng có các khoản nợ phát sinh trước ngày 10 tháng 6 năm 2020 và phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, và các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch COVID-19, thì Ngân hàng và các Công ty con được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ như sau:

<i>Thời điểm phát sinh khoản nợ</i>	<i>Khoảng thời gian phát sinh nghĩa vụ trả nợ</i>	<i>Tình trạng quá hạn</i>	<i>Khoảng thời gian phát sinh quá hạn</i>	<i>Nguyên tắc giữ nguyên nhóm nợ</i>
Trước 23/1/2020	Từ 23/1/2020 đến 31/12/2021	Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 30/3/2020 đến 31/12/2021	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/01/2020
		Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến 29/3/2020	
Từ 23/01/2020 đến trước 10/6/2020		Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 17/5/2021 đến 31/12/2021	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu
		Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến 17/5/2021	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày khoản nợ bị chuyển quá hạn

Từ ngày 7 tháng 9 năm 2021, Ngân hàng và các Công ty con áp dụng Thông tư 14/2021/TT-NHNN ngày 7 tháng 9 năm 2021 (“Thông tư 14”) do NHNN ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01. Theo đó, đối với khách hàng có các khoản nợ phát sinh trước ngày 1 tháng 8 năm 2021 và phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, và các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch COVID-19, thì Ngân hàng và các Công ty con được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ như sau:

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

<i>Thời điểm phát sinh khoản nợ</i>	<i>Khoảng thời gian phát sinh nghĩa vụ trả nợ</i>	<i>Tình trạng quá hạn</i>	<i>Khoảng thời gian phát sinh quá hạn</i>	<i>Nguyên tắc giữ nguyên nhóm nợ</i>
Trước 23/1/2020	Từ 23/1/2020 đến 30/6/2022	Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 30/3/2020 đến 30/6/2022	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/01/2020
Từ 23/1/2020 đến 01/8/2021		Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 17/5/2021 đến 17/7/2021; hoặc từ 7/9/2021 đến 30/6/2022	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu
Trước 23/1/2020		Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến 29/3/2020	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/01/2020
Từ 23/1/2020 đến 10/6/2020		Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến 17/5/2021	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày khoản nợ bị chuyển quá hạn
Từ 10/6/2020 đến 1/8/2021		Quá hạn	Từ 17/7/2021 đến 7/9/2021	

Đối với số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ quá hạn theo thời hạn cơ cấu lại và không tiếp tục được Ngân hàng và các Công ty con cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo các quy định hiện hành, Ngân hàng và các Công ty con thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 11.

*Trích lập dự phòng cụ thể đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 01, Thông tư 03 và Thông tư 14.*

Ngân hàng và các Công ty con trích lập dự phòng cụ thể đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí theo quy định tại Thông tư 03 theo công thức sau:

$$C = A - B$$

Trong đó:

C: Dự phòng cụ thể trích phải trích bổ sung;

A: Dự phòng cụ thể phải trích đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 11;

B: Tổng dự phòng cụ thể phải trích đối với phần dư nợ được giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 01, Thông tư 03 và Thông tư 14 và dự phòng cụ thể phải trích đối với phần dư nợ còn lại của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 11.

Dự phòng cụ thể phải trích bổ sung C được Ngân hàng và các Công ty con thực hiện trích bổ sung khi lập báo cáo tài chính đảm bảo việc trích lập tối thiểu theo quy định như sau:



# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014)

- + Đến thời điểm 31/12/2021: Tối thiểu 30% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
- + Đến thời điểm 31/12/2022: Tối thiểu 60% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
- + Đến thời điểm 31/12/2023: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

## *Xử lý rủi ro tín dụng*

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Thông tư 11, Ngân hàng và các Công ty con thành lập hội đồng xử lý rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5 hoặc nếu khách hàng vay là tổ chức bị giải thể, phá sản, hoặc cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Dự phòng chung tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn, các khoản mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do TCTD khác phát hành, các khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

## *Bán nợ cho Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (“VAMC”)*

Ngân hàng thực hiện bán nợ cho VAMC theo giá trị ghi sổ theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 9 tháng 7 năm 2013 về “Thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam”, Thông tư số 19/2013/TT-NHNN “Quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam”, các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 19/2013/TT-NHNN và Công văn số 8499/NHNN-TCKT về việc “Hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ xấu của VAMC và TCTD”. Theo đó, giá bán là số dư nợ gốc của khách hàng vay trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó và nhận dưới dạng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành.

Sau khi hoàn thành thủ tục bán nợ xấu cho VAMC, Ngân hàng tiến hành hạch toán tất toán gốc và dự phòng cho vay khách hàng và ghi nhận mệnh giá trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng cụ thể đã trích của khoản nợ bán. Khi nhận lại khoản nợ đã bán cho VAMC, Ngân hàng sử dụng nguồn dự phòng rủi ro cụ thể đã trích hàng năm cho trái phiếu đặc biệt để xử lý nợ xấu, phần chênh lệch giữa dự phòng rủi ro đã trích lập và giá trị khoản vay/trái phiếu còn lại chưa thu hồi được sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Thu nhập khác”.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022, Ngân hàng đã tất toán toàn bộ trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành.

## **6.2 Kế toán hoạt động mua nợ**

Các khoản nợ mua về được ghi nhận theo số tiền đã thanh toán để mua nợ và được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm mà khoản nợ đó đã được phân loại trước khi mua. Nếu thu được tiền lãi của khoản nợ bao gồm cả tiền lãi từ trước khi Ngân hàng mua khoản nợ đó, Ngân hàng phải phân bổ số tiền lãi theo nguyên tắc: (i) ghi giảm giá trị của khoản mua nợ số tiền lãi trước khi mua; (ii) ghi nhận là thu nhập số tiền lãi của kỳ sau khi Ngân hàng mua nợ.

Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro các khoản mua nợ theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro.

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

## 7. *Kế toán các nghiệp vụ kinh doanh và đầu tư chứng khoán*

### 7.1 *Chứng khoán kinh doanh*

#### *Phân loại và ghi nhận*

Chứng khoán kinh doanh bao gồm chứng khoán nợ được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

#### *Đo lường*

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên nguyên tắc thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá trị thị trường. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường được xác định theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 (“Thông tư 48”). Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh”.

Đối với chứng khoán nợ chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì Ngân hàng ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư 11.

Dự phòng rủi ro đối với chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi của chứng khoán kinh doanh là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tiền lãi thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực thu.

#### *Dừng ghi nhận*

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

### 7.2 *Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán*

#### *Phân loại và ghi nhận*

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với chứng khoán vốn, Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Tổng Giám đốc.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

## *Đo lường*

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Chứng khoán sẵn sàng để bán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường được xác định theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "*Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư*".

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì Ngân hàng tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 11.

### **7.3 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") phát hành và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác.

#### *Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành*

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng. Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo mệnh giá trong thời gian nắm giữ. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với khoản nợ xấu được bán và là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó.

Trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, định kỳ, Ngân hàng tính toán và trích lập dự phòng rủi ro cụ thể hàng năm theo hướng dẫn tại Thông tư 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của NHNN, Thông tư 08/2016/TT-NHNN ngày 16 tháng 6 năm 2016, Thông tư 09/2017/TT-NHNN ngày 14 ngày 8 năm 2017 và Thông tư 32/2019/TT-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19/2013/TT-NHNN quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022, Ngân hàng đã tất toán toàn bộ trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành.

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

Theo quy định, hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày đáo hạn của trái phiếu đặc biệt, Ngân hàng phải trích lập đầy đủ số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu của năm trích lập đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính theo công thức sau:

$$X_{(m)} = \frac{Y}{n} \times m - (Z_m + X_{m-1})$$

Trong đó:

- $X_{(m)}$  là số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập đối với trái phiếu đặc biệt tại năm thứ  $m$ ;
- $X_{m-1}$  là số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập đối với trái phiếu đặc biệt lũy kế đến hết năm thứ  $m-1$ ;
- $Y$  là mệnh giá trái phiếu đặc biệt;
- $n$  là thời hạn của trái phiếu đặc biệt (tính bằng năm);
- $m$  là số năm kể từ thời điểm phát hành trái phiếu đặc biệt đến thời điểm trích lập;
- $Z_m$  là số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu lũy kế đến thời điểm trích lập (năm thứ  $m$ ). Tổ chức tín dụng bán nợ phối hợp với Công ty Quản lý tài sản để xác định số tiền thu hồi này.

Trường hợp  $(Z_m + X_{m-1}) \geq (Y/n \times m)$  thì số tiền trích lập dự phòng cụ thể ( $X_{(m)}$ ) được tính là không (0).

Dự phòng cụ thể cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "*Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng*". Trái phiếu đặc biệt này không phải trích lập dự phòng chung.

Tại ngày trái phiếu đặc biệt được tắt toán, các khoản lãi phát sinh do tổ chức tín dụng thu hồi được từ khoản nợ được hạch toán vào "*Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự*".

*Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác*

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán Nợ được Ngân hàng mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi và Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận và đo lường tương tự như chứng khoán nợ sẵn sàng để bán

## 8. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các khoản tiền gửi thanh toán, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi, chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

## 9. Dự phòng, công nợ tiềm ẩn và tài sản chưa xác định

Cam kết ngoại bảng bao gồm các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời gian thực hiện cụ thể.

Việc phân loại các khoản cam kết ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng theo chính sách phân loại áp dụng đối với các khoản nợ.

Theo Thông tư 02, Ngân hàng và các công ty con không cần phải trích lập dự phòng cho các cam kết ngoại bảng.

## 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

### *Thuế TNDN hiện hành*

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng và các Công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Ngân hàng và các Công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Ngân hàng và các Công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và các Công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, Ngân hàng có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng và các Công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Ngân hàng và các Công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Ngân hàng và các Công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả từng kỳ trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## 11. *Kế toán các khoản vốn vay, phát hành chứng khoán nợ, công cụ vốn*

Các khoản nợ NHNN VN, tiền vay các TCTD khác, phát hành giấy tờ có giá được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm cuối kỳ. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành giấy tờ có giá được ghi giảm số dư gốc của giấy tờ có giá. Ngân hàng và các công ty con thực hiện phân bổ dần các chi phí này vào “Chi phí lãi và các chi phí tương tự” theo phương pháp đường thẳng phù hợp với kỳ hạn của giấy tờ có giá.

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

## 12. *Vốn chủ sở hữu*

### *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu.

### *Thặng dư vốn cổ phần*

Ngân hàng phản ánh vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần.

### *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Ngân hàng mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Ngân hàng không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

### *Các quỹ và dự trữ*

#### *Các quỹ dự trữ của Ngân hàng*

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau đây theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 và Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng như sau:

	<i>Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

#### *Các quỹ dự trữ của Công ty Tài chính TNHH HD SAISON*

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017, Công ty thực hiện trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng.

## 13. *Các điều chỉnh số liệu kế toán kỳ trước: không có*

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Chứng khoán kinh doanh

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2022 Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Triệu đồng</i>
<b>1.1. Chứng khoán Nợ</b>	<b>10.049.814</b>	<b>11.200.948</b>
- Chứng khoán Chính phủ, Chính quyền địa phương	3.559.898	3.050.038
- Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành	6.489.916	8.150.910
- Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	-	-
- Chứng khoán nợ nước ngoài	-	-
<b>1.2. Chứng khoán Vốn</b>		
- Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành	-	-
- Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	-	-
- Chứng khoán vốn nước ngoài	-	-
<b>1.3. Chứng khoán kinh doanh khác</b>		
	-	-
<b>1.4. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh</b>	<b>(2.881)</b>	<b>(2.881)</b>
<b>Tổng</b>	<b>10.046.933</b>	<b>11.198.067</b>

### 2. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác

	<i>Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) Triệu đồng</i>	<i>Giá trị ghi sổ kế toán ròng (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)</i>	
		<i>Tài sản Triệu đồng</i>	<i>Công nợ Triệu đồng</i>
<b>Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022</b>			
<b>Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ</b>			
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	4.837.938	5.530	-
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	17.858.533	4.946	54.283
<b>Công cụ tài chính phái sinh khác</b>			
Giao dịch hoán đổi lãi suất	344.975	-	1.200
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.041.446</b>	<b>10.476</b>	<b>55.483</b>
<b>Số thuần</b>			<b>45.007</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>			
<b>Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ</b>			
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	2.996.457	6.026	-
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	18.726.466	1.918	22.019
<b>Công cụ tài chính phái sinh khác</b>			
Giao dịch hoán đổi lãi suất	115.975	-	1.475
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.838.898</b>	<b>7.944</b>	<b>23.494</b>
<b>Số thuần</b>			<b>15.550</b>

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

## 3. Cho vay khách hàng

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2022 Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Triệu đồng</i>
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	220.316.116	198.734.001
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	491.907	492.061
Cho vay bằng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư	2.221.266	2.208.509
Cho vay thấu chi và thẻ tín dụng	2.050.794	1.713.156
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân nước ngoài	72.684	62.046
Các khoản trả thay khách hàng	1.128	1.128
<b>Tổng</b>	<b>225.153.895</b>	<b>203.210.901</b>

### *Phân tích chất lượng nợ cho vay*

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2022 Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Triệu đồng</i>
Nợ đủ tiêu chuẩn	215.939.616	194.513.332
Nợ cần chú ý	5.673.591	5.337.496
Nợ dưới tiêu chuẩn	835.798	1.600.455
Nợ nghi ngờ	2.033.944	878.136
Nợ có khả năng mất vốn	670.946	881.482
<b>Tổng</b>	<b>225.153.895</b>	<b>203.210.901</b>

### *Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay*

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2022 Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Triệu đồng</i>
Nợ ngắn hạn	135.543.101	118.670.666
Nợ trung hạn	26.377.354	24.879.776
Nợ dài hạn	63.233.440	59.660.459
<b>Tổng</b>	<b>225.153.895</b>	<b>203.210.901</b>

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

## 4. Sự thay đổi của dự phòng rủi ro tín dụng đối với dư nợ cho vay khách hàng

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong kỳ này như sau:

	<i>Dự phòng cụ thể Triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung Triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng Triệu đồng</i>
Ngày 01 tháng 01 năm 2022	934.599	1.517.469	2.452.068
Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ/(Hoàn nhập dự phòng trong kỳ)	503.156	166.151	669.307
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng trong kỳ	(433.588)	-	(433.588)
Ngày 31 tháng 03 năm 2022	1.004.167	1.683.620	2.687.787

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong kỳ trước như sau:

	<i>Dự phòng cụ thể Triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung Triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng Triệu đồng</i>
Ngày 01 tháng 01 năm 2021	653.077	1.282.359	1.935.436
Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ/(Hoàn nhập dự phòng trong kỳ)	2.020.750	235.110	2.255.860
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng trong kỳ	(1.739.228)	-	(1.739.228)
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	934.599	1.517.469	2.452.068



# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

## 5. Chứng khoán đầu tư

### 5.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	Ngày 31 tháng 03 năm 2022 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Triệu đồng
<b>a. Chứng khoán Nợ</b>		
Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	17.716.154	20.986.009
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	17.283.035	15.198.883
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	7.499.563	6.457.569
Chứng khoán Nợ nước ngoài	-	-
	<b>42.498.752</b>	<b>42.642.461</b>
<b>b. Chứng khoán Vốn</b>		
Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành		
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	1.013.973	1.013.973
Chứng khoán Vốn nước ngoài	-	-
	<b>1.013.973</b>	<b>1.013.973</b>
	<b>43.512.725</b>	<b>43.656.434</b>
<b>c. Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán</b>		
- Dự phòng giảm giá	(22.867)	(22.867)
- Dự phòng chung	(54.093)	(47.569)
- Dự phòng cụ thể	-	-
	<b>(76.960)</b>	<b>(70.436)</b>
<b>Giá trị thuần</b>	<b>43.435.765</b>	<b>43.585.998</b>

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

## 5.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)

	Ngày 31 tháng 03 năm 2022 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Triệu đồng
Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	7.196.195	8.697.680
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	8.201.760	9.502.337
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	1.673.564	3.755.577
Chứng khoán Nợ nước ngoài	<b>17.071.519</b>	<b>21.955.594</b>
Dự phòng rủi ro chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn		
- Dự phòng giảm giá	-	-
- Dự phòng chung	(12.552)	(28.167)
- Dự phòng cụ thể		
	<b>(12.552)</b>	<b>(28.167)</b>
<b>Giá trị thuần</b>	<b>17.058.967</b>	<b>21.927.427</b>

## 6. Góp vốn, đầu tư dài hạn

### Phân tích giá trị đầu tư theo loại hình đầu tư

	Ngày 31 tháng 03 năm 2022 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Triệu đồng
Đầu tư vào công ty con (*)		
Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh		
Các khoản đầu tư vào công ty liên kết		
Các khoản đầu tư dài hạn khác	163.921	144.421
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(20.590)	(20.590)
<b>Tổng</b>	<b>143.331</b>	<b>123.831</b>



# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

## 7. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2022 Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Triệu đồng</i>
Vay NHNN	-	-
Tiền gửi của KBNN	895	1
Các khoản nợ khác	80.720	92.655
<b>Tổng</b>	<b>81.615</b>	<b>92.656</b>

## 8. Tiền gửi và vay các TCTD khác

### 8.1 Tiền gửi của các TCTD khác

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2022 Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Triệu đồng</i>
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>	<b>33.431</b>	<b>22.316</b>
Bằng VND	27.910	16.649
Bằng ngoại tệ	5.521	5.667
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>52.701.523</b>	<b>59.829.388</b>
Bằng VND	46.179.275	53.176.938
Bằng ngoại tệ	6.522.248	6.652.450
<b>Tổng</b>	<b>52.734.954</b>	<b>59.851.704</b>

### 8.2 Vay các TCTD khác

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2022 Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Triệu đồng</i>
<b>Bằng VND</b>	<b>21.880.421</b>	<b>32.060.197</b>
Trong đó:		
- Vay chiết khấu, tái chiết khấu	6.450.389	13.889.229
- Vay cầm cố, thế chấp	745.000	965.000
<b>Bằng ngoại tệ</b>	<b>18.858.391</b>	<b>15.330.681</b>
Trong đó:		
- Vay chiết khấu, tái chiết khấu	-	-
- Vay cầm cố, thế chấp	1.142.250	1.145.000
<b>Tổng</b>	<b>40.738.812</b>	<b>47.390.878</b>

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

## 9. Tiền gửi của khách hàng

*Thuyết minh theo loại hình tiền gửi:*

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2022 Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Triệu đồng</i>
<b>Tiền gửi không kỳ hạn (“KKH”)</b>	<b>24.286.587</b>	<b>23.949.408</b>
Tiền gửi KKH bằng VND	23.304.518	22.718.480
Tiền gửi KKH bằng ngoại tệ	982.069	1.230.928
<b>Tiền gửi có kỳ hạn (“CKH”)</b>	<b>176.124.376</b>	<b>158.337.163</b>
Tiền gửi CKH bằng VND	174.103.333	156.318.095
Tiền gửi CKH bằng ngoại tệ	2.021.043	2.019.068
<b>Tiền gửi vốn chuyên dùng</b>	<b>72.817</b>	<b>71.332</b>
<b>Tiền gửi ký quỹ</b>	<b>1.006.248</b>	<b>925.214</b>
<b>Tổng</b>	<b>201.490.028</b>	<b>183.283.117</b>

## 10. Phát hành giấy tờ có giá thông thường (không bao gồm công cụ tài chính phức hợp)

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2022 Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Triệu đồng</i>
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	<b>5.783.987</b>	<b>6.412.925</b>
Dưới 12 tháng	800.000	830.000
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	4.806.987	5.405.925
Từ 5 năm trở lên	177.000	177.000
<b>Trái phiếu thường</b>	<b>28.904.521</b>	<b>28.903.400</b>
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	22.576.769	22.577.066
Từ 5 năm trở lên	6.327.752	6.326.334
<b>Tổng</b>	<b>34.688.508</b>	<b>35.316.325</b>

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

## 11. Các khoản nợ khác

	Ngày 31 tháng 03 năm 2022 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Triệu đồng
Các khoản phải trả nội bộ	338.999	193.583
Các khoản phải trả bên ngoài	7.815.503	7.270.337
Dự phòng rủi ro khác		
- Dự phòng đối với các cam kết đưa ra		
- Dự phòng cho các dịch vụ thanh toán		
- Dự phòng rủi ro khác ( <i>dự phòng rủi ro hoạt động không bao gồm dự phòng khác đối với tài sản có nội bảng</i> )		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	30.656	30.656
<b>Tổng</b>	<b>8.185.158</b>	<b>7.494.576</b>

## 12. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với NSNN và thuế thu nhập hoãn lại.

### 12.1 Tình hình thực hiện nghĩa vụ với NSNN

Chi tiêu	Ngày 01 tháng 01 năm 2022 Triệu đồng	Phát sinh trong kỳ		Ngày 31 tháng 03 năm 2022 Triệu đồng
		Số phải nộp Triệu đồng	Số đã nộp Triệu đồng	
Thuế giá trị gia tăng	42.782	47.665	(68.847)	21.600
Thuế thu nhập doanh nghiệp	400.126	507.076	(403.559)	503.643
Thuế nhà đất	-	8	(8)	-
Tiền thuê đất				
Các loại thuế khác	42.369	146.296	(197.667)	(9.002)
- Thuế môn bài	-	334	(334)	-
- Thuế thu nhập cá nhân	39.720	140.977	(191.858)	(11.161)
- Thuế nhà thầu	2.649	4.985	(5.475)	2.159
Các khoản phí, lệ phí và phải nộp khác	-	6	(6)	-
	<b>485.277</b>	<b>701.051</b>	<b>(670.087)</b>	<b>516.241</b>

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

## 12.2. Thuế thu nhập hoãn lại

### a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Ngày 31 tháng 03 năm 2022 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Triệu đồng
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng		
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước		
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

### b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Ngày 31 tháng 03 năm 2022 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Triệu đồng
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	602	602
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các kỳ trước		
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>602</b>	<b>602</b>

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

## 13. Vốn chủ sở hữu

### 13.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Số dư đầu kỳ Triệu đồng	Tăng trong kỳ Triệu đồng	Giảm trong kỳ Triệu đồng	Số dư cuối kỳ Triệu đồng
Vốn góp/vốn điều lệ	20.072.906	-	-	20.072.906
Thặng dư vốn cổ phần	535.956	-	-	535.956
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	89	-	-	89
Cổ phiếu quỹ	(413.448)	-	-	(413.448)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	13.793	-	13.793
Quỹ đầu tư phát triển	70	-	-	70
Quỹ dự phòng tài chính	1.709.175	-	(4.549)	1.704.626
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	725.779	-	(2.274)	723.505
Quỹ khác thuộc vốn CSH	112.441	-	(3.421)	109.020
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/lũy kế	6.290.473	1.920.893	(5.110)	8.206.256
Lợi ích của cổ đông thiểu số	1.756.672	102.040	-	1.858.712
Vốn chủ sở hữu khác	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.790.113</b>	<b>2.036.726</b>	<b>(15.354)</b>	<b>32.811.485</b>

### 13.2 Thuyết minh về các công cụ tài chính phức hợp Trái phiếu chuyển đổi:

	Ngày 31 tháng 03 năm 2022 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Triệu đồng
<b>Tổng giá trị</b>	<b>7.410.861</b>	<b>7.439.788</b>
- Giá trị cấu phần nợ	7.410.861	7.439.788
- Giá trị cấu phần vốn CSH	-	-

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

## 13.3 Cổ phiếu

	<u>Ngày 31 tháng 03</u> <u>năm 2022</u>	<u>Ngày 31 tháng 12</u> <u>năm 2021</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.007.290.642	2.007.290.642
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	2.007.290.642	2.007.290.642
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông	15.081.522	15.081.522
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	1.992.209.120	1.992.209.120
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 14. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	<i>Kỳ này</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>Triệu đồng</i>
Thu nhập lãi tiền gửi	73.788	27.417
Thu nhập lãi cho vay	5.665.373	5.096.099
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ	723.410	705.106
- Thu lãi từ chứng khoán kinh doanh	-	-
- Thu lãi từ chứng khoán đầu tư	723.410	705.106
Thu nhập từ nghiệp vụ bảo lãnh	141.952	72.148
Thu khác từ hoạt động tín dụng (*)	576.638	439.138
<b>Tổng</b>	<b>7.181.161</b>	<b>6.339.908</b>

### 15. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

	<i>Kỳ này</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>Triệu đồng</i>
Trả lãi tiền gửi	2.342.792	2.281.531
Trả lãi tiền vay	216.466	109.692
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	552.445	566.807
Chi phí hoạt động tín dụng khác	26.067	19.080
<b>Tổng</b>	<b>3.137.770</b>	<b>2.977.110</b>

### 16. Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (mua bán) chứng khoán kinh doanh

	<i>Kỳ này</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>Triệu đồng</i>
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	49.092	41.555
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh (Chi phí)/Hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(10.807)	(21.773)
<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	<b>38.285</b>	<b>19.782</b>

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

17. Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (mua bán) chứng khoán đầu tư	<i>Kỳ này</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>Triệu đồng</i>
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	309.598	409.308
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(10.026)	(13.849)
(Chi phí)/Hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	9.091	942
<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>308.663</b>	<b>396.401</b>
18. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	<i>Kỳ này</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>Triệu đồng</i>
Cổ tức nhận được từ chứng khoán Vốn đầu tư	-	-
Cổ tức nhận được từ góp vốn, đầu tư dài hạn	2.252	-
<b>Tổng</b>	<b>2.252</b>	<b>-</b>
19. Chi phí hoạt động	<i>Kỳ này</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>Triệu đồng</i>
1. Chi nộp thuế và các khoản lệ phí	917	726
2. Chi phí cho nhân viên	1.268.648	947.868
Chi lương và phụ cấp	1.155.570	850.354
Các khoản chi đóng góp theo lương	68.791	62.018
Chi trợ cấp	16.321	14.091
Chi khác cho nhân viên	27.966	21.405
3. Chi về tài sản	203.637	188.242
Trong đó: Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.012	35.224
4. Chi phí cho hoạt động quản lý công vụ	416.438	462.282
Trong đó: Công tác phí	9.040	11.148
Chi về các hoạt động đoàn thể	20	1.384
5. Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	35.972	32.454
6. Chi phí dự phòng/(hoàn nhập) (không tính chi phí dự phòng rủi ro tín dụng nội và ngoại bảng, chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán)	-	-
7. Chi phí hoạt động khác	-	-
<b>Tổng</b>	<b>1.925.612</b>	<b>1.631.572</b>



# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

## VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### 20. Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng và các công ty con. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng và các công ty con nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
- ▶ kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
  - ▶ có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Ngân hàng và các công ty con và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng và các công ty con;
  - ▶ có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng và các công ty con;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng và các công ty con là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Điều hành (bao gồm Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng) của Ngân hàng và các công ty con;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Chi tiết giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>31/03/2022</i> <i>Triệu đồng</i>
Cổ đông lớn và các bên liên quan với cổ đông lớn	Gửi tiền vào tài khoản	3.258.459
	Rút tiền từ tài khoản	3.110.029
Các công ty Ngân hàng đầu tư, góp vốn	Gửi tiền vào tài khoản	14.173.861
	Rút tiền từ tài khoản	13.889.614

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại thời điểm cuối kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>31/03/2022</i>	
		<i>Phải thu</i>	<i>Phải trả</i>
		<i>Triệu đồng</i>	
Cổ đông lớn và các bên liên quan cổ đông lớn	Tiền gửi có kỳ hạn	-	(1.363.807)
	Tiền gửi thanh toán	-	(112.952)
	Tiền gửi bảo đảm thanh toán, ký quỹ		(14.000)
Các công ty Ngân hàng đầu tư, góp vốn	Tiền gửi có kỳ hạn	-	(770.000)
	Tiền gửi thanh toán và chuyên dùng	-	(280.006)
	Tiền gửi bảo đảm thanh toán, ký quỹ	-	(28.847)
	Cho vay	2.464.251	-

## 21. Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

	<i>Tổng dư nợ cho vay</i>	<i>Tổng tiền gửi</i>	<i>Các cam kết tín dụng</i>	<i>CCTC phải sinh</i>	<i>Kinh doanh và đầu tư chứng khoán</i>
	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>
Trong nước	225.153.895	57.165.224	15.239.992	23.041.446	70.634.058
Nước ngoài		1.714.912			

## VIII. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

### 22. Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

Rủi ro luôn luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Ngân hàng và các công ty con, nhưng được quản lý thông qua các quy trình phát hiện, đánh giá và kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào giới hạn rủi ro và các kiểm soát khác. Quy trình quản lý rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Ngân hàng và các công ty con và mỗi cá nhân trong Ngân hàng và các công ty con có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến quyền hạn công việc của họ. Ngân hàng và các công ty con đối mặt với các loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường (được phân loại thành rủi ro kinh doanh và rủi ro không liên quan đến kinh doanh). Ngoài ra, Ngân hàng và các công ty con cũng chịu rủi ro hoạt động.

Quy trình kiểm soát rủi ro độc lập không bao gồm các rủi ro kinh doanh như những thay đổi của môi trường, công nghệ và ngành nghề. Những rủi ro này được kiểm soát bởi quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược của Ngân hàng và các công ty con.

#### (i) Cơ cấu quản lý rủi ro

Hội đồng quản trị là những người chịu trách nhiệm cho việc phát hiện và kiểm soát các rủi ro. Tuy nhiên, từng thành viên riêng biệt sẽ chịu trách nhiệm cho việc theo dõi và quản lý các rủi ro.

#### (ii) Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là những người chịu trách nhiệm giám sát quy trình quản lý rủi ro tổng quát trong Ngân hàng và các công ty con.

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

## (iii) Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban Quản lý rủi ro tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động Ngân hàng và các công ty con.

Ủy ban Quản lý rủi ro phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng và các công ty con trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

Ủy ban Quản lý rủi ro xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng và các công ty con để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.

## (iv) Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm kiểm soát quy trình quản lý rủi ro tổng quát trong Ngân hàng và các công ty con.

## (v) Kiểm toán nội bộ

Theo kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm, các quy trình hoạt động của Ngân hàng và các công ty con sẽ được kiểm toán bởi bộ phận kiểm toán nội bộ nhằm kiểm tra tính đầy đủ và tính tuân thủ của các thủ tục. Kiểm toán nội bộ thảo luận kết quả đánh giá với Ban Tổng Giám đốc và báo cáo những phát hiện và đề xuất lên Ban Kiểm soát.

## (vi) Hệ thống báo cáo và đo lường rủi ro

Rủi ro của Ngân hàng và các công ty con được đo lường bằng cách sử dụng phương pháp phản ánh cả những tổn thất dự đoán được gần như phát sinh trong các trường hợp thông thường và những tổn thất không dự đoán được mà chỉ là những ước tính những tổn thất thực tế sau cùng dựa trên những mô hình thống kê.

Việc theo dõi và quản lý rủi ro chủ yếu được thực hiện dựa trên những hạn mức được thiết lập bởi Ngân hàng và các công ty con và tuân thủ các quy định an toàn của NHNN. Những hạn mức này phản ánh chiến lược kinh doanh và môi trường thị trường của Ngân hàng và các công ty con cũng như mức độ rủi ro mà Ngân hàng và các công ty con sẵn sàng chấp nhận.

Các thông tin kết hợp từ hoạt động kinh doanh được kiểm tra và xử lý để nhằm phân tích, kiểm soát và phát hiện sớm hơn các rủi ro. Thông tin này được trình bày và giải thích cho Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các trường phòng ban. Báo cáo bao gồm tổng mức rủi ro tín dụng, dự báo hệ thống lượng hóa rủi ro tín dụng, các ngoại lệ hạn mức, các chỉ số thanh khoản và thay đổi hồ sơ rủi ro. Ban lãnh đạo sẽ đánh giá tính thích hợp của việc lập dự phòng cho những tổn thất tín dụng hàng quý. Ban lãnh đạo sẽ nhận được báo cáo tổng hợp mỗi quý cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết cho việc đánh giá và đưa ra kết luận về rủi ro của Ngân hàng và các công ty con.

Đối với tất cả các cấp trong Ngân hàng và các công ty con, các báo cáo rủi ro cụ thể sẽ được lập và phân phối nhằm đảm bảo rằng tất cả các phòng ban kinh doanh đều cập nhật tất cả các thông tin cần thiết một cách đầy đủ và kịp thời.

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

## (vii) *Giảm thiểu rủi ro*

Ngân hàng và các công ty con đã chủ động sử dụng các tài sản thế chấp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

## (viii) *Mức độ tập trung rủi ro*

Sự tập trung rủi ro phát sinh khi một số lượng lớn các khách hàng của Ngân hàng và các công ty con cùng liên quan đến một hoạt động kinh doanh, hoặc các hoạt động kinh doanh cùng trên một khu vực địa lý, hoặc có cùng các đặc điểm kinh tế là những yếu tố có thể ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán hoặc quyền lợi được thanh toán của nhóm khách hàng khi nghĩa vụ đến hạn do ảnh hưởng của các thay đổi về kinh tế, chính trị hoặc các yếu tố khác.

Những mức độ tập trung trên phản ánh các mức độ nhạy cảm của hoạt động Ngân hàng và các công ty con đối với sự phát triển của một khu vực địa lý hoặc ngành nghề nhất định nào đó.

Để có thể giảm thiểu các rủi ro tập trung, Ngân hàng và các công ty con đã có các chính sách và thủ tục cần thiết bao gồm các hướng dẫn cụ thể nhằm đa dạng hóa các danh mục hoạt động. Theo đó mức độ tập trung rủi ro tín dụng sẽ được kiểm soát và quản lý. Ngân hàng và các công ty con cũng áp dụng các biện pháp phòng tránh rủi ro có chọn lọc đối với các ngành nghề và các yếu tố liên quan khác.

## 23. **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Ngân hàng và các công ty con kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng và các công ty con có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề, và bằng cách giám sát các rủi ro theo những hạn mức đó.

Ngân hàng và các công ty con đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về mức độ tin cậy của khách hàng, bao gồm cả việc rà soát tài sản đảm bảo thường xuyên. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

## 24. **Rủi ro thị trường**

### 24.1 **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất phát sinh do có những thay đổi về lãi suất ảnh hưởng đến giá trị của các công cụ tài chính. Ngân hàng và các Công ty con sẽ có nguy cơ chịu rủi ro lãi suất do sự không tương xứng hay chênh lệch giữa ngày đáo hạn hoặc ngày xác định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả và các công cụ ngoại bảng trong một giai đoạn nhất định. Ngân hàng và các Công ty con quản lý rủi ro này thông qua việc cân đối ngày xác định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả.

#### *Phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế*

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất hoặc thời hạn đáo hạn của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và các Công ty con:

- ▶ Tiền mặt và vàng; chứng khoán kinh doanh; chứng khoán đầu tư - chứng khoán vốn; các công cụ tài chính phái sinh, góp vốn, đầu tư dài hạn và các tài sản khác (bao gồm tài sản cố định và tài sản Có khác) và các khoản nợ khác được phân loại vào khoản mục không chịu lãi;
- ▶ Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại vào khoản mục đến một tháng;
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản chứng khoán đầu tư - chứng khoán nợ (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành), các khoản cho vay khách hàng; các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác; nguồn vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro; các khoản nợ NHNN Việt Nam; phát hành giấy tờ có giá, các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
  - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
  - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 03 năm 2022.



# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

Chỉ tiêu	Quá hạn	Không chịu lãi	Đến 1 tháng	Từ trên 1 tháng - 3 tháng	Từ trên 3 tháng - 6 tháng	Từ trên 6 tháng - 12 tháng	Từ trên 1 năm - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
<b>Tài sản</b>									
Tiền mặt và vàng bạc	-	2.627.817	-	-	-	-	-	-	2.627.817
Tiền gửi tại NHNN	-	-	9.808.491	-	-	-	-	-	9.808.491
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	34.936.358	14.435.287	-	-	-	-	49.371.645
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	10.049.814	-	-	-	-	-	-	10.049.814
Các CCTCPS & các TSTC khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cho vay khách hàng (*)	9.214.278	-	57.714.739	99.792.863	26.423.545	25.716.543	6.253.288	38.639	225.153.895
Hoạt động mua nợ (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chứng khoán đầu tư (*)	-	1.013.973	3.413.593	3.791.376	5.000.895	13.854.473	13.962.036	19.547.898	60.584.244
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	163.921	-	-	-	-	-	-	163.921
TSCĐ & BĐS đầu tư	-	1.318.816	-	-	-	-	-	-	1.318.816
Tài sản Có khác (*)	44.907	9.961.549	1.576.449	6.106.646	4.619.075	2.010.784	492.000	-	24.811.410
<b>Tổng tài sản</b>	<b>9.259.185</b>	<b>25.135.890</b>	<b>107.449.630</b>	<b>124.126.172</b>	<b>36.043.515</b>	<b>41.581.800</b>	<b>20.707.324</b>	<b>19.586.537</b>	<b>383.890.053</b>
<b>Nợ phải trả</b>									
Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	56.964.569	21.686.886	8.589.092	5.172.584	1.142.250	-	93.555.381
Tiền gửi của khách hàng	-	361.870	62.229.450	34.311.167	57.136.675	39.502.903	7.947.470	493	201.490.028
Các CCTCPS & các khoản nợ TC khác	-	45.007	-	-	-	-	-	-	45.007
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay									
TCTD chịu rủi ro	-	-	874	-	2.791.243	-	-	67.478	2.859.595
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	2.030.000	2.114.970	1.870.000	1.690.915	32.034.931	2.358.553	42.099.369
Các khoản nợ khác (*)	-	8.185.158	-	-	-	-	-	-	8.185.158
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>8.592.035</b>	<b>121.224.893</b>	<b>58.113.023</b>	<b>70.387.010</b>	<b>46.366.402</b>	<b>41.124.651</b>	<b>2.426.524</b>	<b>348.234.538</b>
<b>Mức chênh lệch cầm với lãi suất nội bảng</b>	<b>9.259.185</b>	<b>16.543.855</b>	<b>(13.775.263)</b>	<b>66.013.149</b>	<b>(34.343.495)</b>	<b>(4.784.602)</b>	<b>(20.417.327)</b>	<b>17.160.013</b>	<b>35.655.515</b>
<b>Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với LS</b>		<b>(15.239.992)</b>							<b>(15.239.992)</b>
<b>Mức chênh lệch cầm với lãi suất nội bảng, ngoại bảng</b>	<b>9.259.185</b>	<b>1.303.863</b>	<b>(13.775.263)</b>	<b>66.013.149</b>	<b>(34.343.495)</b>	<b>(4.784.602)</b>	<b>(20.417.327)</b>	<b>17.160.013</b>	<b>20.415.523</b>

(\*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro



# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN03  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

## 24.2 *Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng và các công ty con được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND, đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng và các công ty con cũng là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và các công ty con chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD, EUR và vàng. Ngân hàng và các công ty con đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng và các công ty con sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

Bảng dưới đây thể hiện tài sản và nợ phải trả theo ngoại tệ đã được quy đổi sang VND vào Ngày 31 tháng 03 năm 2022:

Chi tiêu	EUR được quy đổi Triệu đồng	USD được quy đổi Triệu đồng	Giá trị vàng tiền tệ được quy đổi Triệu đồng	Các ngoại tệ khác được quy đổi Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
<b>Tài sản</b>					
Tiền mặt và vàng bạc	57.158	422.258	27.349	290.401	797.166
Tiền gửi tại NHNN	4.474	2.789.439	-	-	2.793.913
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	34.897	10.458.522	-	253.571	10.746.990
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	1.489.171	-	1.791.605	3.280.776
Cho vay khách hàng (*)	-	12.911.159	-	67.478	12.978.637
Tài sản Có khác (*)	45.479	6.972.296	-	14.608	7.032.383
<b>Tổng tài sản</b>	<b>142.008</b>	<b>35.042.845</b>	<b>27.349</b>	<b>2.417.663</b>	<b>37.629.865</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Tiền gửi và vay các TCTD khác	45.473	23.607.221	-	1.733.466	25.386.160
Tiền gửi của khách hàng	62.988	2.838.912	-	188.043	3.089.943
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	30.488	-	-	297.033	327.521
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	2.792.118	-	67.478	2.859.596
Phát hành giấy tờ có giá	-	7.424.625	-	-	7.424.625
Các khoản nợ khác	346	209.350	486	11.007	221.189
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>139.295</b>	<b>36.872.226</b>	<b>486</b>	<b>2.297.027</b>	<b>39.309.034</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội bảng</b>	<b>2.713</b>	<b>(1.829.381)</b>	<b>26.863</b>	<b>120.636</b>	<b>(1.679.169)</b>
<b>Trạng thái tiền tệ ngoại bảng</b>	<b>-</b>	<b>729.498</b>	<b>-</b>	<b>1.601</b>	<b>731.099</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng</b>	<b>2.713</b>	<b>(1.099.883)</b>	<b>26.863</b>	<b>122.237</b>	<b>(948.070)</b>

(\*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro

## Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

### 24.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng và các Công ty con gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng và các Công ty con có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những khoản nợ phải trả này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng và các Công ty con huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng và các Công ty con, đồng thời Ngân hàng và các Công ty con có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng và các Công ty con cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và các Công ty con:

- ▶ Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại vào tiền gửi thanh toán đến hạn trong một (1) tháng, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc;
- ▶ Thời gian đáo hạn của chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư - chứng khoán nợ được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán; chứng khoán đầu tư - chứng khoán vốn đã niêm yết được xác định khả năng thanh khoản trong vòng một (1) tháng do tính thanh khoản cao của khoản mục này trên thị trường;
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản nợ NHNN Việt Nam; nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro; phát hành giấy tờ có giá; các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác, các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn;
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư, góp vốn mua cổ phần được coi là hơn năm (5) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- ▶ Các khoản tiền gửi và vay của các TCTD khác; các công cụ tài chính phái sinh, các khoản nợ tài chính khác và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- ▶ Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản

Bảng sau đây trình bày thời hạn đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 03 năm 2022.

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

Chi tiêu	Quá hạn		Trong hạn					Tổng cộng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ trên 1 tháng - 3 tháng	Từ trên 3 tháng - 12 tháng	Từ trên 1 năm - 5 năm	Trên 5 năm	
<b>Tài sản</b>								
Tiền mặt và vàng bạc	-	-	2.627.817	-	-	-	-	2.627.817
Tiền gửi tại NHNN	-	-	9.808.491	-	-	-	-	9.808.491
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	34.936.358	14.435.287	-	-	-	49.371.645
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	103.449	1.500.000	2.386.270	2.605.147	3.454.948	10.049.814
Các CCTCPS và các tài sản tài chính khác(*)	-	-	-	-	-	-	-	-
Cho vay khách hàng (*)	3.540.687	5.673.591	12.015.432	31.158.094	103.071.493	37.614.407	32.080.191	225.153.895
Hoạt động mua nợ (*)	-	-	-	-	-	-	-	-
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	4.214.524	2.311.862	14.074.536	20.435.424	19.547.898	60.584.244
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	163.921	163.921
TSCĐ & BĐS đầu tư	-	-	549.020	553	10.219	228.124	530.900	1.318.816
Tài sản Có khác (*)	44.907	-	11.298.018	6.106.646	6.869.839	492.000	-	24.811.410
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.585.594</b>	<b>5.673.591</b>	<b>75.553.109</b>	<b>55.512.442</b>	<b>126.412.357</b>	<b>61.375.102</b>	<b>55.777.858</b>	<b>383.890.053</b>
<b>Nợ phải trả</b>								
Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	55.822.319	18.622.924	13.197.709	5.894.354	18.075	93.555.381
Tiền gửi của khách hàng	-	-	62.591.320	34.311.167	96.639.578	7.947.470	493	201.490.028
Các CCTCPS và các khoản nợ tài chính khác(*)	-	-	(4.923)	952	48.978	-	-	45.007
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	-	2.859.595	2.859.595
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	2.030.000	2.114.970	3.560.915	30.534.931	3.858.553	42.099.369
Các khoản nợ khác (*)	-	-	8.185.158	-	-	-	-	8.185.158
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>128.623.874</b>	<b>55.050.013</b>	<b>113.447.180</b>	<b>44.376.755</b>	<b>6.736.716</b>	<b>348.234.538</b>
<b>Mức chênh thanh khoản ròng</b>	<b>3.585.594</b>	<b>5.673.591</b>	<b>(53.070.765)</b>	<b>462.429</b>	<b>12.965.177</b>	<b>16.998.347</b>	<b>49.041.142</b>	<b>35.655.515</b>

(\*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro

# Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mẫu số B05a/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT- NHNN ngày 31/12/2014)

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân  
Trưởng bộ phận

Người kiểm soát:



Bà Hồ Đặng Hoàng Quyền  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phạm Văn Đâu  
Giám đốc Tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 25 tháng 04 năm 2022





Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2022  
Ho Chi Minh City, April 28, 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN  
DISCLOSURE OF INFORMATION ON WEB PORTALS OF  
THE STATE SECURITIES COMMISSION AND STOCK EXCHANGES**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
To: *State Securities Commission*  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM  
*Ho Chi Minh City Stock Exchange*  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
*Ha Noi Stock Exchange*

- Tên tổ chức : NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP.HCM (HDBANK)  
*Name of organization : Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank*
- Mã chứng khoán : HDB  
*Securities code : HDB*
- Địa chỉ trụ sở chính : 25 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bến Nghé, Q. 1, Tp.HCM  
*Head office address : 25 Bis Nguyen Thi Minh Khai, Ben Nghe Ward, District 1, HCMC*
- Điện thoại : (028) 62 915 916  
*Telephone : (028) 62 915 916*
- Người công bố thông tin : Trần Hoài Nam – Phó Tổng Giám đốc  
*Authorized person to disclose information: Tran Hoai Nam, Deputy Chief Executive Officer*
- Loại thông tin công bố : (X) Định kỳ  
*Type of disclosed information : (X) Periodic*
- Nội dung công bố thông tin:**  
*Contents of disclosed information:*  
Thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin của công ty niêm yết theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính, Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM – HDBank công bố báo cáo tài chính Quý 1/2022.

*In compliance with the obligation of reporting and information disclosure of listed companies in accordance with Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16/11/2020 of the Ministry of Finance, Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank – HDBank announces the financial statements for 1Q/2022.*

- Giải trình lợi nhuận sau thuế tại báo cáo tài chính Quý 1/2022 tăng trên 10% so với cùng kỳ năm 2021:**

*Explanation of the increase of more than 10% in profit after tax in 1Q/2022 versus 1Q/2021:*

Chỉ tiêu Items	Quý 1/2022 1Q/2022	Quý 1/2021 1Q/2021	Tỷ lệ tăng (%) % growth rate
Lợi nhuận sau thuế (riêng lẻ, tỷ đồng) <i>Profit after tax (separate, in VND trillion)</i>	1.814	1.448	25%
Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất, tỷ đồng) <i>Profit after tax (consolidated, in VND trillion)</i>	2.020	1.680	20%





Lợi nhuận sau thuế tại báo cáo tài chính Quý 1/2022 (riêng lẻ và hợp nhất) tăng trên 10% so với lợi nhuận sau thuế tại báo cáo tài chính Quý 1/2021 do ngân hàng đã chủ động và linh hoạt trong việc thực hiện mục tiêu kép vừa chống dịch, vừa phát triển kinh doanh, đảm bảo an toàn hoạt động và hỗ trợ kịp thời khách hàng vượt qua khó khăn. Thu nhập từ lãi và ngoài lãi đều tăng trưởng cao, đặc biệt thu thuần từ dịch vụ Quý 1/2022 hợp nhất tăng gần 2 lần cùng kỳ năm trước, thu thuần từ dịch vụ riêng lẻ tăng gần 3 lần với đóng góp tích cực từ các mảng kinh doanh bảo hiểm – ngân hàng (bancassurance), dịch vụ thanh toán. Chi phí hoạt động được tối ưu, giúp hệ số chi phí/tổng thu nhập hoạt động đạt 37,6%, tốt hơn mức 39,1% tại 31/3/2021. Chi phí huy động và các chi phí khác cũng được tiết giảm. Các yếu tố này đã giúp lợi nhuận sau thuế tăng cao.

*Profit after tax stated in (separate and consolidated) financial statements for 1Q/2022 increased by more than 10% compared with that of 1Q/2021 as the Bank proactively and flexibly in realizing the dual goal of fighting against Covid-19 epidemics and business development ensuring operational safety and providing timely support for clients to facing challenges. Interest income and non-interest both grew robustly, particularly net fee income of 1Q/2022 almost doubled from that of 1Q/2021. Net fee income of the parent bank nearly tripled from the same period last year with the key drivers being bancassurance, settlement services. Operating expenses were optimized driving CIR ratio to 37.6% from 39.1 in 1Q/2021. Funding cost and other expenses were under control. As a result profit after tax rose considerably.*

#### 9. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính

*Website address to download financial statements*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của HDBank tại đường dẫn:

*This information is published by HDBank on its website at:*

Đường dẫn tiếng Việt: <https://www.hdbank.com.vn/vi/investor/thong-tin-nha-dau-tu/bao-cao-tai-chinh>

English link: <https://www.hdbank.com.vn/en/investor/thong-tin-nha-dau-tu/bao-cao-tai-chinh>

Ngân hàng TMCP Phát triển Tp.HCM xin gửi kèm báo cáo tài chính Quý 1/2022 hợp nhất & riêng lẻ. Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*HCMC Development Joint Stock Commercial Bank would like to attach herewith the consolidated and separate financial statements for 1Q/2022. We commit that all disclosed information are true and take full responsibilities legally for the contents of the information disclosed.*

#### Nơi nhận:

*Recipients:*

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM
- Ho Chi Minh City Stock Exchange
- Lưu: Văn thư
- Filed: Admin Dept.

NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP.HCM  
HCMC DEVELOPMENT J.S.COMMERCIAL BANK  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
DEPUTY CHIEF EXECUTIVE OFFICER



TRẦN HOÀI NAM